

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/DS-ST
Ngày 26-10-2021
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hùng Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Phúc;

Bà Nguyễn Thị Ánh Gương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 26 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2021 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2021/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2021/QĐST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng chính sách xã hội V.

Địa chỉ: Số 169 , phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội V.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Minh L – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T, có mặt.

(Theo quyết định số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án).

Địa chỉ: Khóm V, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Nguyễn Văn P, sinh năm 1955, vắng mặt.

Địa chỉ: khóm Y, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Nguyễn Thị T, sinh năm 1959, vắng mặt

Địa chỉ: khóm Y, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 23/02/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội V do ông Ngô Minh L đại diện trình bày:

Vào ngày 01/11/2002 hộ ông P và bà T có vay tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện T, cụ thể là Ngân hàng phục vụ người nghèo huyện T (là bộ phận của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện T) theo chương trình cho vay hộ nghèo, mục đích vay để chăn nuôi, số tiền vay là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) theo Khế ước số AA868576 ngày 31/10/2002. Đến ngày 01/12/2004 Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện T đã bàn giao số nợ này sang Ngân hàng chính sách xã hội V quản lý theo dõi và thu hồi nợ theo quy định. Từ khi vay tiền đến nay ông P và bà T chỉ trả được một phần lãi số tiền là 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) (giai đoạn trả từ ngày 01/12/2002 đến ngày 21/5/2005). Mặc dù Ngân hàng chính sách xã hội V đã nhiều lần đòi nợ nhưng ông P, bà T không trả tiền vay gốc và lãi theo cam kết.

Nay, Ngân hàng chính sách xã hội V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P và bà T phải liên đới trả số tiền vay gốc theo chương trình hộ nghèo theo Khế ước số AA868576 ngày 31/10/2002 là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 18/10/2021 là 2.772.000đ, ông P và bà T đã trả lãi được 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng), còn nợ tiền lãi tính đến ngày 18/10/2021 là 2.322.000đ (Hai triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn đồng), tổng cộng gốc và lãi là: 5.322.000đ (Năm triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn) và yêu cầu tiếp tục tính lãi kể từ ngày 19/10/2021 đến khi trả xong nợ gốc.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn P: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông P để ông đến Tòa án nhân dân huyện T giải quyết việc Ngân hàng chính sách xã hội V khởi kiện nhưng đều vắng mặt không lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Thàng để ông đến Tòa án nhân dân huyện Tam Nông giải quyết việc Ngân hàng chính sách xã hội V khởi kiện nhưng đều vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng chính sách xã hội V nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông P, bà T. Xét thấy, người khởi kiện có quyền khởi kiện và đã thực hiện đúng về thủ tục khởi kiện theo quy định tại các Điều 186, 188, 189, 190 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn địa chỉ: khóm Y, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn ông P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P, bà T là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng chính sách xã hội V yêu cầu ông P và bà T phải liên đới trả số tiền vay gốc 3.000.000đ theo Khế ước số AA868576 ngày 31/10/2002. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác nên xác định quan hệ pháp luật “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét thấy Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam yêu cầu ông Phước và bà Thành phải liên đới trả số tiền vay gốc 3.000.000đ (Ba triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận. Cụ thể, theo khế ước số AA868576 ngày 31/10/2002 giữa Ngân hàng phục vụ người nghèo và ông Nguyễn Văn Phước, bà Thành ký với số tiền vay gốc 3.000.000đ (Ba triệu đồng), thời hạn trả nợ vay đến ngày 31/8/2011, mục đích vay chăn nuôi, với lãi suất trong hạn 6,6%/năm; lãi suất quá hạn 8,58%/năm. Hiện còn nợ tiền vay gốc là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Hội đồng xét xử, xét thấy giữa Ngân hàng phục vụ người nghèo huyện Tam Nông và ông Phước, bà Thành đã được ký kết khế ước số AA868576 ngày 31/10/2002 trên cơ sở tự nguyện, những người tham gia ký kết hợp đồng có đủ thẩm quyền, đủ năng lực pháp luật và hành vi dân sự, hình thức, nội dung hợp đồng không vi phạm các điều cấm, không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Do vậy, hợp đồng là hợp pháp, là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện. Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng phục vụ người nghèo huyện Tam Nông đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là giải ngân cho ông Phước, bà Thành số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) nhưng ông Phước, bà Thành không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ đã cam kết. Do ông Phước, bà Thành vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam đã khởi kiện ra Tòa án là có căn cứ.

[4] Đối với tiền lãi: Trong quá trình vay tiền, ông P và bà T đã trả cho Ngân hàng chính sách xã hội V số tiền lãi là 450.000đồng (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng), còn nợ tiền lãi tính đến ngày 18/10/2021 là 2.322.000đ, nay Ngân hàng chính sách xã hội V yêu cầu ông P và bà T phải liên đới trả số tiền tiền lãi tính đến ngày 18/10/2021 là 2.322.000đ đồng thời yêu cầu ông P và bà T tiếp tục chịu lãi từ ngày 19/10/2021 theo Khế ước số AA868576 ngày 31/10/2002 của số tiền gốc chưa trả là phù hợp nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội V đối với ông P và bà T.

[5] Về án phí:

- Ngân hàng chính sách xã hội V không phải nộp tiền tạm ứng án phí, không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

- Ông P và T được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm vì ông P và bà T là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 11, điểm đ, khoản 1 Điều 12 của của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội V đối với ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội V số tiền vay gốc còn thiếu là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 18/10/2021 là 2.322.000đ (Hai triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn đồng), tổng cộng gốc và lãi là: 5.322.000đ (Năm triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn)

Ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục tính lãi kể từ ngày 19/10/2021 theo khế ước số AA868576 ngày 31/10/2002.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Ngân hàng chính sách xã hội V không phải nộp tiền tạm ứng án phí, không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định theo quy định điểm c, khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Ông Nguyễn Văn P và Nguyễn Thị T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm vì ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi theo quy định điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14,

ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Đồng Tháp;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Hùng Cường